

Bản án số: 1632/2022/HNGĐ – ST  
Ngày: 19 – 10 – 2022  
V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Kim Thủy

2. Ông Trần Quốc Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Thục Đoan

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1065/2022/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 438/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 377/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Nguyễn T, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 114/20 đường P, Phường C, quận G, TpHCM.

Địa chỉ liên lạc: Chung cư C, số 36 đường M, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoài B, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 114/20 đường P, Phường C, quận G, TpHCM

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Nguyễn T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Hoài B có quen biết tìm hiểu và yêu thương nhau từ năm 2015 cho đến năm 2017 thì tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn và được

Ủy ban nhân dân phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 22/03/2017.

Quá trình chung sống chúng tôi sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng bất hòa, không tìm được tiếng nói chung. Chị T và anh B đã sống ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm dành cho anh B không còn, mục đích của hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Minh Đ, sinh ngày 16/02/2021 chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không có ý kiến gì khác.

*Tại tờ tự khai ngày 07/9/2022 và tại biên bản hòa giải ngày 07/9/2022 bị đơn là anh Nguyễn Hoài B trình bày:*

Anh và chị Trần Nguyễn T có quen biết tìm hiểu và yêu thương nhau từ năm 2015 cho đến năm 2017 thì tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 22/03/2017.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chúng tôi chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 11/2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh B ngoại tình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị T, anh xin được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Minh Đ, sinh ngày 16/02/2021. Trường hợp ly hôn: anh B yêu cầu giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng anh B chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh B;

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Minh Đ, sinh ngày 16/02/2021. Chị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hàng tháng anh B chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoài B vắng mặt tại phiên Tòa nên Chủ Tọa phiên tòa công bố bản tự khai của anh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Gò Vấp phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Nguyễn T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoài B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Minh Đ, sinh ngày 16/02/2021. Hai bên thống nhất giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng anh B chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T, anh B phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và xét yêu cầu của nguyên đơn được trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn cư ngụ tại Quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Hoài B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 22/03/2017 do Ủy ban nhân dân phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho chị Trần Nguyễn T

và anh Nguyễn Hoài B đã có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của chị T và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị T xác định tình cảm dành cho anh B hiện nay không còn vì giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn do anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng bất hòa, thường hay cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung. Chị T và anh B đã sống ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm dành cho anh B không còn, mục đích của hôn nhân không đạt nên chị cương quyết xin được ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh B thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh ngoại tình, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị T, anh muốn đoàn tụ gia đình nhưng lại không đưa ra được những phương thức hay biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc hay có thể thuyết phục được chị T rút đơn ly hôn để quay trở về đoàn tụ.

Căn cứ vào Phiếu xác minh ngày 11/8/2022 của Ủy ban nhân dân Phường C, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy: “Anh Nguyễn Hoài B hiện đang sống tại địa chỉ 114/20 đường P, Phường C, quận G, TpHCM, chị Trần Nguyễn T hiện đang sinh sống tại Chung cư C, số 36 đường M, phường A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, anh B và chị T có 01 con chung là bé Nguyễn Trần Minh Đ, sinh ngày 16/02/2021”.

Chị T và anh B chung sống với nhau nhưng không hạnh phúc do anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, đến khi chị T mang bầu được ba tháng chị T phát hiện anh B vẫn tiếp tục quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, và thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hàn gắn được chứng tỏ anh B là người có lỗi trong việc không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Đồng thời anh B muốn đoàn tụ gia đình nhưng lại không đưa ra được những phương thức hay biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình và cũng không đến tham dự phiên Tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ chứng tỏ anh B không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và từ phân tích trên chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh B là có thật, một trong hai bên đã không tha thiết vun đắp cuộc sống chung là tôn trọng, bình đẳng, hạnh phúc và quan tâm chia sẻ lẫn nhau làm cho hôn nhân giữa họ lâm vào tình trạng trầm trọng, anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài chị T đã tạo cơ hội khắc phục nhưng vẫn không thay đổi, do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tháng

02/2021 chị T đã sống ly thân với anh B cho đến nay. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân năm 2014 thì “Tòa án giải quyết cho ly hôn ... nếu có căn cứ về việc vợ chồng có vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng ... mục đích hôn nhân không đạt được...” do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Nguyễn T.

Xét về yêu cầu nuôi dưỡng con chung: Tại bản tự khai ngày 27/7/2022, chị T yêu cầu tự nguyện nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trần Minh Đ, sinh ngày 16/02/2021. Tại bản tự khai ngày 07/9/2022 anh B cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T và anh B giao chị T nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ phát triển bình thường.

Về việc cấp dưỡng nuôi con:

Xét việc chị T tự nguyện nuôi trẻ Đ đến tuổi trưởng thành và anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 10.000.000 đồng/tháng. Tại bản tự khai ngày 07/9/2022 anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 10.000.000 đồng/tháng. Đây là sự thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện của anh B và chị T phù hợp các Điều 107, 110, 116, 117 và 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh B.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, anh B phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 87/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Nguyễn T được ly hôn với Anh Nguyễn Hoài B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Minh Đ, sinh ngày 16/02/2021 cho chị Trần Nguyễn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bắt đầu thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Đăng tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như trên thì hàng tháng anh B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Nguyễn T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2021/0048850 ngày 12/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Gò Vấp – Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh Nguyễn Hoài B phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

5. Về nghĩa vụ thi hành án : Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, TpHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

